

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2012/NQ-HĐND

Đoan Hùng, ngày 26 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Đoan Hùng giai đoạn 2012 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;

Sau khi xem xét Tờ trình số 947/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của UBND huyện Đoan Hùng về Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Đoan Hùng giai đoạn 2012 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Đoan Hùng giai đoạn 2012 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM:

- Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo cần phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020 và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của huyện Đoan Hùng giai đoạn 2011 - 2020. Tiếp tục giữ vững mạng lưới trường lớp, đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Duy trì và nâng cao tỷ lệ trẻ đến trường đúng độ tuổi và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp.

- Phát triển giáo dục - đào tạo theo hướng đồng bộ, toàn diện, chuẩn hoá và hiện đại, gắn giáo dục với với chất lượng đào tạo. Nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng dạy học, đảm bảo các phòng học, phòng chức năng theo tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học.

- Đảm bảo đủ đội ngũ giáo viên về số lượng, cơ cấu và chất lượng theo tiêu chí chuẩn và trên chuẩn. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng dài ngắn thoả đáng đối với đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục để tạo nhiều nguồn lực cho xã hội phát triển.

- Thực hiện tốt dạy hướng nghiệp, chú trọng phân luồng, đào tạo nghề cho học sinh THCS theo phương thức đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Liên kết đào tạo góp phần nâng cao tỷ

lệ đào tạo, nâng cao trình độ dạy nghề cho người lao động. Trong đó đào tạo nghề ưu tiên đào tạo nghề cho lao động tại chỗ theo hướng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trên cơ sở chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá. Phát triển mạng lưới, quy mô hợp lý, đa dạng hoá các loại hình giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần xây dựng con người mới trong xã hội hiện đại có văn hoá, đạo đức lối sống lành mạnh, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực sáng tạo và hội nhập.

2. Các mục tiêu cụ thể:

2.1. Giáo dục Mầm non:

- Đến năm 2015: Có 100% trẻ 5 tuổi được đi học mẫu giáo, trên 95% trẻ 3-4 tuổi được đến trường, có 25% trẻ dưới 3 tuổi ra nhà trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong nhà trường xuống dưới 7%; có 50% số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2020: Có 98% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường, 35% trẻ dưới 3 tuổi ra nhà trẻ; có 70% số trường đạt chuẩn quốc gia, 100% số trường kiểm định chất lượng.

2.2. Giáo dục tiểu học:

- Đến năm 2015: Duy trì 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, 100% trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6, trên 70% học sinh học 2 buổi/ngày, có 90% số trường đạt chuẩn quốc gia, 60% số trường được học tin học, ngoại ngữ.

- Đến năm 2020: Có 100% học sinh học 2 buổi/ngày, 100% số trường đạt chuẩn quốc gia và được học tin học, ngoại ngữ; 100% số xã, thị trấn, hoàn thành PCGD tiểu học ở mức độ 2.

2.3. Giáo dục Trung học cơ sở:

- Đến năm 2015: Huy động 100% số học sinh xong chương trình tiểu học vào học lớp 6; 70% số trường được dạy tin học, 100% số trường được kiểm định chất lượng; 50% số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ nhập học theo dân số trong độ tuổi đạt 100%; 100% số trường được học tin học; 80% số trường đạt chuẩn quốc gia.

2.4. Giáo dục Trung học phổ thông:

- Đến năm 2015: Tỷ lệ nhập học THPT so với dân số trong độ tuổi đạt trên 75%, có 30,3% (1/3) trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ nhập học THPT so với dân số trong độ tuổi đạt trên 80%, có 75% số trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

Tiếp tục duy trì các kết quả giáo dục toàn diện và mũi nhọn, giúp học sinh hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết cơ bản về kỹ thuật và hướng nghiệp.

Duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đạt từ 50% - 65%; duy trì và tăng số học sinh vào các trường cao đẳng, đại học từ 30% - 45%.

2.5. Giáo dục thường xuyên:

- Duy trì nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng xã, thị trấn. Nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cho những người không có điều kiện học chính quy. Đào tạo, bồi dưỡng giúp người học có kiến thức nghề nghiệp, kỹ năng thiết thực, để tạo việc làm nâng cao chất lượng cuộc sống về cả vật chất và tinh thần.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã, thị trấn được học tập, bồi dưỡng cập nhật kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, 99% dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ.

2.6. Giáo dục nghề nghiệp:

Phấn đấu đến năm 2015, nâng cấp Trung tâm dạy nghề của huyện lên thành trường Trung cấp dạy nghề để đào tạo nhân lực cho huyện và cho các huyện trong khu vực. Thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để tổ chức các khoá dạy nghề. Tăng quy mô tuyển sinh học nghề từ 8% - 12%/năm.

- Đến năm 2015: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt hơn 50%. Trong đó tỷ lệ lao động được đào tạo trong các lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp là 30%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 75%, dịch vụ thương mại là 81%.

- Đến năm 2020: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt hơn 60%. Trong đó đào tạo tỷ lệ lao động được đào tạo trong các lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp là 40%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 85%, dịch vụ thương mại là 90%.

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH:

1. Quy hoạch về quy mô mạng lưới giáo dục và đào tạo:

1.1. Giáo dục mầm non:

- Đến năm 2015: Có 29 trường với 267 lớp và khoảng 6.640 cháu.

- Đến năm 2020: Có 30 trường với 289 lớp và khoảng 7.200 cháu.

Mỗi năm, số học sinh mẫu giáo đến lớp tăng khoảng 1% so với năm 2010.

1.2. Giáo dục tiểu học:

Duy trì và đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học hàng năm đạt trên 99%.

- Năm 2015: có 30 trường, 322 lớp với khoảng 8.516 học sinh.

- Năm 2020: có 30 trường, 370 lớp, với khoảng 9.348 học sinh.

1.3. Giáo dục Trung học cơ sở:

Duy trì và hoàn thành phổ cập THCS, số học sinh hoàn thành THCS tăng từ 1.416 học sinh năm 2010 lên đến 1.743 học sinh vào năm 2020.

- Năm 2015: Có 26 trường, 226 lớp với khoảng 6.348 học sinh.

- Năm 2020: Có 26 trường, 269 lớp với khoảng 7.543 học sinh.

1.4. Giáo dục Trung học phổ thông:

Nâng cao chất lượng THPT, nâng tỷ lệ học sinh nhập học so với dân số trong độ tuổi đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

- Đến năm 2015: Có 3 trường với 70 lớp, 3.133 học sinh.

- Đến năm 2020: Có 3 trường với 82 lớp, 3.649 học sinh.

1.5. Giáo dục Thường xuyên - Hướng nghiệp:

- Đến năm 2015: Tổng số học sinh, học viên tham gia vào chương trình giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng nghiệp vụ khoảng 400 người/năm.

- Đến năm 2020: Tăng số học sinh, học viên tham gia vào chương trình giáo dục thường xuyên và bồi dưỡng nghiệp vụ khoảng 600 người/năm.

1.6. Giáo dục nghề nghiệp:

Quy mô đào tạo trung bình của giáo dục nghề tăng nhanh trong thời kỳ quy hoạch, cụ thể:

- Đến năm 2015 đào tạo đạt khoảng 1.000 người/năm.

- Đến năm 2020 đào tạo đạt khoảng 1.200 người/năm.

2. Quy hoạch đội ngũ, giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý:

2.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bậc học Mầm non:

- Đến năm 2015: Đội ngũ cô nuôi dạy trẻ đạt 164 người, tỷ lệ trẻ là 8,5 cháu/giáo viên, giáo viên mẫu giáo đạt 360 người, tỷ lệ học sinh mẫu giáo là 15 cháu/cô, có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên, (trong đó 70% đạt trên chuẩn). Cán bộ quản lý đạt bình quân 3 người/trường, nhân viên bình quân 2 người/trường.

- Đến năm 2020: Đội ngũ cô nuôi dạy trẻ đạt 210 người, tỷ lệ trẻ là 8,5 cháu/giáo viên, giáo viên mẫu giáo đạt 375 người, tỷ lệ học sinh là 15 cháu/giáo viên, có 80% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, nhân viên trường học đạt bình quân 3 người/trường.

2.2. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên bậc học Tiểu học:

- Đến năm 2015: Quy mô CBQL, giáo viên, nhân viên cần 633 người, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn, (trong đó 80% đạt trình độ trên chuẩn), cán bộ quản lý bình quân đạt 2,5 người/trường, nhân viên đạt 2,5 người/trường.

- Năm 2020: Quy mô giáo viên đạt 525 người (đảm bảo đủ 1,5 giáo viên/lớp để dạy đủ 2 buổi/ngày), có 90% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, nhân viên đạt 3,5 người/trường.

2.3. *Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên bậc học Trung học cơ sở:*

- Đến năm 2015: Quy mô CBQL, giáo viên, nhân viên đạt 615 người, có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên (trong đó 60% giáo viên đạt trên trình độ chuẩn). Cán bộ quản lý đạt bình quân 2,4 người/trường, nhân viên đạt bình quân 3,5 người/trường.

- Đến năm 2020: Quy mô CBQL, giáo viên, nhân viên đạt 683 người, có 70% giáo viên có trình độ trên chuẩn, cán bộ quản lý đạt bình quân 2,5 người/trường, nhân viên đạt bình quân 5 người/trường.

3. Quy hoạch cơ sở vật chất - kỹ thuật:

3.1. *Giai đoạn 2011 - 2015:*

- Thực hiện kiên cố hoá phòng học mầm non đạt 75%, tiểu học đạt 90%, THCS đạt 95%.

- Có 50% số trường mầm non có đủ phòng phục vụ cho học tập, phòng tổ chức ăn nghỉ cho học sinh, khối phòng hành chính, quản trị và hệ thống công trình phụ trợ đạt chuẩn quy định.

- Có 80% số trường tiểu học 50% số trường THCS có đủ phòng học bộ môn, phòng thư viện, khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị và hệ thống công trình phụ trợ đạt tiêu chuẩn quy định.

- Có đủ ký túc xá và các công trình phụ trợ phục vụ cho học sinh trường Dân tộc nội trú, bán trú, nhà công vụ và các công trình phụ trợ cho giáo viên ở tập thể. 100% số trường có đủ diện tích theo quy định; có công trình nước sạch và vệ sinh phù hợp đạt tiêu chuẩn; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu.

- 100% số trường mầm non có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho lớp mầm non 5 tuổi; 50% số trường có đủ đồ dùng, đồ chơi thiết bị cho nhóm trẻ và các lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, 90% số trường tiểu học, 50% số trường THCS, có đủ thiết bị, phòng học bộ môn đạt chuẩn quy định.

- 100% số thư viện có và duy trì đủ số lượng sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo theo quy định thư viện đạt chuẩn; 100% số trường mầm non, tiểu học, THCS được kết nối mạng sử dụng Internet.

3.2. *Giai đoạn 2016 - 2020:*

- Thực hiện kiên cố 100% các trường, lớp học của các cấp học; 80% số trường mầm non có đủ khối phòng học phục vụ học tập, khối phòng ăn nghỉ, khối phòng hành chính quản trị và hệ thống các công trình phụ trợ đạt tiêu chuẩn.

- 100% số trường tiểu học, 80% số trường THCS có đủ phòng học bộ môn, phòng thư viện, khối phòng phục vụ học tập, hành chính quản trị và các công trình phụ trợ đạt tiêu chuẩn. 100% thư viện đạt chuẩn.

- Duy trì 100% số trường mầm non có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho nhà trẻ và các lớp mẫu giáo.

- 80% số trường mầm non có sân chơi có đủ đồ chơi, 90% số trường tiểu học, 80% số trường THCS có đủ thiết bị phòng học bộ môn đạt chuẩn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo:

- Các cấp uỷ Đảng, chính quyền tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng, thực hiện quy hoạch, đề án phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo. Đổi mới công tác xây dựng và giao kế hoạch giáo dục, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực. Có cơ chế phù hợp trong từng thời kỳ nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xác định việc thực hiện đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Tăng cường sự tham gia của MTTQ, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức đoàn thể, hội khuyến học cơ sở, các dòng họ khuyến học, trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, quan tâm giáo dục nhân cách, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo:

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường. Chú trọng các hoạt động lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục nhằm phát triển thể chất và kỹ năng sống cho học sinh, tập trung nâng cao chất lượng đại trà, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

- Đổi mới, tiếp cận và vận dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học, các hình thức kiểm tra, đánh giá theo quy định của Bộ GD & ĐT, coi trọng đánh giá chất lượng, tránh hình thức trong việc tự đánh giá và đánh giá ngoài theo hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục, tăng cường sự giám sát của cộng đồng trong hoạt động giáo dục. Phát triển các chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người học để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động.

3. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên các cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Thực hiện các chương trình bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp, khuyến khích giáo viên và cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ, ưu tiên đào tạo trên chuẩn. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn cho trường chất lượng cao.

- Khuyến khích và tăng cường trao đổi kinh nghiệm trong công tác giảng dạy quản lý, ưu tiên tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các trường, các cơ sở đào tạo có trình độ đào tạo theo quy định, đảm bảo đủ điều kiện giáo viên nâng cao chất lượng giáo dục

4. Phát triển mạng lưới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho giáo dục và đào tạo:

- Phát triển mạng lưới trường lớp và đa dạng hoá các loại hình đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và xã hội hoá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập thường xuyên, xây dựng trường trung học cơ sở chất lượng cao của huyện và lớp chất lượng cao tại một số trường trung học cơ sở, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

- Hoàn thành mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đối với các cấp học, quan tâm ưu tiên đầu tư cho các trường thuộc vùng khó khăn, đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch.

5. Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục:

- Thực hiện mở rộng chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở GD&ĐT gắn với đổi mới cơ chế tài chính nhằm tăng cường các nguồn lực đầu tư cho GD&ĐT. Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát đối với các nguồn đầu tư của xã hội cho GD&ĐT.

- Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể, hội khuyến học cơ sở, dòng họ khuyến học trong việc thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục, tiến tới xây dựng xã hội học tập. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích cá nhân, các tổ chức xã hội về phát triển mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho giáo dục và đào tạo. Thành lập quỹ hỗ trợ đào tạo do các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp đóng góp. Có quy định cho các cơ sở giáo dục công lập hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2012/.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải